

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức.

1.1.1 Hệ cơ sở dữ liệu :

- Nắm được khái niệm CSDL
- Hiểu được vai trò của CSDL trong học tập và cuộc sống
- Lấy được ví dụ về bài toán quản lí trong thực tế để minh họa cho CSDL
- Giải thích được vai trò của CSDL trong học tập và cuộc sống thông qua các ví dụ cụ thể

1.1.2. Hệ quản trị CSDL:

- Nắm được khái niệm hệ QT CSDL
- Hiểu được các chức năng của hệ quản trị CSDL (tạo lập CSDL; cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin; điều khiển việc truy cập vào CSDL)
- Hiểu được vai trò của con người khi làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- Nêu được ví dụ cụ thể về hệ QT CSDL
- Giải thích được các chức năng của hệ QT CSDL thông qua ví dụ minh họa.
- Giải thích được vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL (theo một trong 3 vai trò: người quản trị, người lập trình ứng dụng và người dùng. Chỉ ra được các công việc cụ thể thường phải làm khi tạo lập CSDL (cập nhật dữ liệu, tìm kiếm, kết xuất thông tin, điều khiển việc truy cập vào CSDL)

1.1.3. Giới thiệu MS ACCESS:

- Nắm được khái niệm Access
- Hiểu được các chức năng chính của Access
- Nêu được bốn đối tượng chính của CSDL: bảng, mẫu hỏi, biểu mẫu và báo cáo
- Hiểu được hai chế độ làm việc với các đối tượng của CSDL: Chế độ thiết kế và chế độ trang dữ liệu.
- Nêu được cách thực hiện các thao tác: khởi động và ra khỏi Access, tạo CSDL mới, mở CSDL đã có
- Nhận ra và nêu được tác dụng, ý nghĩa của các chức năng chính của ACCESS: tạo lập bảng, thiết lập mối liên kết giữa các bảng, cập nhật và kết xuất thông tin.

1.1.4. Cấu trúc bảng:

- Nắm được các khái niệm chính sau đây trong cấu trúc dữ liệu bảng thông qua ví dụ minh họa: +Cột (trường/thuộc tính): tên, miền giá trị. +Hàng (bản ghi/bộ): bộ các giá trị của các thuộc tính. + Khoá chính.
- Nêu được cách tạo và sửa cấu trúc bảng.
- Giải thích được tác dụng của việc liên kết giữa các bảng
- Thực hiện được thao tác tạo và sửa cấu trúc bảng, cập nhật dữ liệu.
- Thực hiện được thao tác khai báo khoá chính.

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access với các thao tác cơ bản

- Xây dựng được cấu trúc các trường trong cơ sở dữ liệu
- Phân biệt được các chế độ làm việc với các đối tượng và cách luân chuyển cách làm việc đó.
- Biết cách tạo một cơ sở dữ liệu mới và tìm một cơ sở dữ liệu đã có.

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính: Ví dụ:

1. Các công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức.
2. Các chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
3. Vai trò của con người khi làm việc với hệ cơ sở dữ liệu.
4. Các bước xây dựng cơ sở dữ liệu.

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng: Ví dụ:

1. Các loại đối tượng chính của Access.
2. Một số thao tác cơ bản trong Access.
3. Các chế độ làm việc với đối tượng trong Access.

2.3. Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

MÔN: TIN HỌC, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng	
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	
1	Khái niệm CSDL và hệ CSDL	1. Khái niệm cơ sở dữ liệu (CSDL)	5	2			7	
		2. Hệ quản trị CSDL	5	5	5		15	
2	HỆ QT CSDL	3. Giới thiệu MS Access	10	5	3		18	
Tổng			20	12	8		40	
Tỉ lệ %			50%	30%	20%			

2.4. Đề minh họa

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn thi: Tin học, Lớp 12

Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

Câu 1. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép

- A. Sửa xóa dữ liệu
- B. Cập nhật dữ liệu
- C. Cả hai đều sai
- D. Cả hai đều đúng

Câu 2. Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL

- A. Bán vé máy bay
- B. Bán hàng
- C. Quản lý học sinh trong nhà trường
- D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Việc nhập dữ liệu là:

- A. Tạo lập hồ sơ
- B. Cập nhật hồ sơ
- C. Khai thác hồ sơ
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4. Thuật ngữ bằng tiếng Anh chỉ Hệ QTCSDL là:

- A. Databesa Management System
- B. Database Management System
- C. Database Management Systum
- D. Database Manegement System

Câu 5. Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề sử dụng phần mềm ứng dụng phục vụ nhu cầu khai thác thông tin

- A. Người dùng cuối
- B. Người QTCSDL
- C. Người lập trình
- D. Cả ba người trên

Câu 6. Các công việc chính khi khai thác hồ sơ là:

- A. Lập báo cáo, tìm kiếm, tạo hồ sơ.
- B. Cập nhật hồ sơ, sắp xếp, tìm kiếm, thống kê
- C. Sắp xếp, lập báo cáo, cập nhật hồ sơ
- D. Sắp xếp, tìm kiếm, thống kê, lập báo cáo

Câu 7. Hãy cho biết các loại thao tác trên CSDL

- A. Thao tác trên nội dung dữ liệu
- B. Thao tác trên cấu trúc dữ liệu
- C. Thao tác tìm kiếm, tra cứu thông tin, kết xuất báo cáo
- D. Cả ba câu trên

Câu 8. Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép

- A. Mô tả các đối tượng được lưu trữ trong CSDL
- B. Khai báo kiểu dữ liệu của CSDL
- C. Đảm bảo tính độc lập dữ liệu
- D. Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL

Câu 9. Chức năng của hệ QTCSDL

- A. Cung cấp cách tạo lập CSDL và công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL.
- B. Cung cấp cách cập nhật dữ liệu, tìm kiếm và kết xuất thông tin
- C. Cả hai đều đúng
- D. Cả hai đều sai

Câu 10. Sau khi tìm kiếm thông tin trong một tệp hồ sơ học sinh, khẳng định nào sau đây sai:

- A. Trình tự các hồ sơ trong tệp không thay đổi.
- B. Tệp hồ sơ có thể xuất hiện các hồ sơ mới.
- C. Những hồ sơ đã tìm được sẽ không còn trên tệp vì người ta đã lấy thông tin ra.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 11. Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức?

- A. Cập nhật hồ sơ
- B. Tạo lập hồ sơ
- C. Khai thác hồ sơ
- D. Tất cả các thao tác trên

Câu 12. Để lưu trữ và khai thác thông tin bằng máy tính không cần có:

- A. Hệ QTCSDL
- B. CSDL
- C. Các thiết bị vật lý
- D. Ứng dụng của mạng để giải trí

Câu 13. Chọn đáp án đúng về người lập trình ứng dụng:

- A. Quản lý tất cả mọi thứ về CSDL
- B. Bắt tay vào việc khi CSDL đã được tạo lập
- C. Chia làm nhiều nhóm có quyền và mật khẩu truy cập.
- D. Có tinh thần trách nhiệm

Câu 14. Chọn phát biểu sai về người dùng:

- A. Được cấp tài khoản và mật khẩu
- B. Chia làm nhiều nhóm khác nhau
- C. Có hiểu biết sâu rộng về CSDL, Hệ QTCSDL
- D. Là đối tượng đông đảo nhất

Câu 15. Vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL có:

- A. 2 vai trò
- B. 3 vai trò
- C. 4 vai trò
- D. đáp án khác

Câu 16. Chọn đáp án sai trong câu sau:

Những nét nào dưới đây của ngôn ngữ thao tác dữ liệu giống với ngôn ngữ lập trình bậc cao (Pascal/ C++)

- A. Có quy tắc viết câu lệnh (cú pháp) chặt chẽ.
- B. Có thể thực hiện các phép tính số học, quan hệ và logic.
- C. Có các công cụ cho phép dễ dàng kiểm tra tính hợp thức của dữ liệu nhập vào.
- D. Cho phép sử dụng biểu thức số học, biểu thức quan hệ và logic

Câu 17. Cập nhật hồ sơ là thực hiện một số công việc như:

- A. Thêm hồ sơ, xóa hồ sơ, thu thập thông tin.
- B. Sắp xếp, sửa, thêm, hồ sơ.
- C. Thêm, sửa, xóa hồ sơ.
- D. Sửa hồ sơ, thống kê, tìm kiếm

Câu 18. Cơ sở dữ liệu (CSDL) là

A. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên các thiết bị nhớ để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người với nhiều mục đích khác nhau.

B. Tập hợp các kiểu dữ liệu: ký tự, số, ngày/giờ, hình ảnh... của một chủ thể nào đó.

C. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên mọi dụng cụ lao động để đáp ứng nhu cầu nhiều người dùng với nhiều mục đích khác nhau.

D. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.

Câu 19. Chọn đáp án đúng về hệ quản trị CSDL là:

- A. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL
- B. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL
- C. Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL
- D. Phần mềm dùng tạo lập CSDL

Câu 20. Chọn quy trình đúng nhất khi tạo lập hồ sơ cho một bài toán quản lí:

- A. Tìm hiểu bài toán → Tìm hiểu thực tế → Xác định dữ liệu → Tổ chức dữ liệu → Nhập dữ liệu
- B. Tìm hiểu thực tế → Tìm hiểu bài toán → Xác định dữ liệu → Tổ chức dữ liệu → Nhập dữ liệu
- C. Tìm hiểu bài toán → Tìm hiểu thực tế → Xác định dữ liệu → Nhập dữ liệu → Tổ chức dữ liệu
- D. Các thứ tự trên đều sai.

Câu 21. Các bước tiến hành xây dựng hệ CSDL có:

- A. 4 bước
- B. 2 bước
- C. 3 bước
- D. 5 bước

Câu 22. Chọn đáp án sai khi thiết kế CSDL cho một bài toán quản lí:

- A. Thiết kế CSDL của bài toán.
- B. Lựa chọn hệ QTCSDDL để triển khai
- C. Xác định các dữ liệu cần phân tích và mối quan hệ giữa chúng.
- D. Xây dựng hệ thống chương trình ứng dụng.

Câu 23. So với các ngôn ngữ lập trình, ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu tương đương với thành phần nào?

- A. Các công cụ khai báo dữ liệu
- B. Các công cụ cập nhật dữ liệu
- C. Các công cụ đóng/mở tệp dữ liệu
- D. Cả ba thành phần trên.

Câu 24. Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. SQL
- B. SMS
- C. LMS
- D. OLM

Câu 25. “**Khôi phục CSDL khi có sự cố ở phần cứng hay phần mềm**” là thành phần của chức năng:

- A. Cung cấp môi trường tạo lập cơ sở dữ liệu.
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu.
- C. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.
- D. Cả ba chức năng trên

Câu 26. Ví dụ về bài toán quản lý và trình bày các công việc cần xử lý khi xây dựng CSDL của bài toán quản lý trên?

Câu 27. Khi làm việc với CSDL em muốn đóng vai trò là gì? Vì sao?

---Hết---

Hoàng Mai, ngày 3 tháng 10 năm 2024

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG